

Biểu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính).

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG

Chương: 419

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SXD ngày tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7
<b>A</b>	<b>TỔNG THU</b>	<b>146.754</b>	<b>146.754</b>	<b>1.759</b>	<b>2.881</b>	<b>0</b>	<b>62.966</b>	<b>79.148</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu khác</b>	<b>146.754</b>	<b>146.754</b>	<b>1.759</b>	<b>2.881</b>	<b>0</b>	<b>62.966</b>	<b>79.148</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>146.754</b>	<b>146.754</b>	<b>1.759</b>	<b>2.881</b>	<b>0</b>	<b>62.966</b>	<b>79.148</b>
<b>1.1</b>	<b>+ Thu phí</b>	<b>141.186</b>	<b>141.186</b>	<b>1.500</b>	<b>2.320</b>	<b>0</b>	<b>61.182</b>	<b>76.184</b>
	- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	500	500	500				
	- Thẩm định dự toán xây dựng	500	500	500				
	- Thẩm định các đồ án quy hoạch Xây dựng	500	500	500				
	-Phí trọng tải tàu thuyền	1.424	1.424		1.424			
	-Phí thuộc lĩnh vực hàng hải	896	896		896			
	-Phí sử dụng đường bộ	137.366	137.366				61.182	76.184
<b>1.2</b>	<b>+ Thu lệ phí</b>	<b>3.731</b>	<b>3.731</b>	<b>259</b>	<b>561</b>	<b>0</b>	<b>966</b>	<b>1.945</b>
	- Cấp phép xây dựng	1	1	1				
	- Cấp chứng chỉ hành nghề	165	165	165				

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7
	<i>-Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng</i>	70	70	70				
	<i>-Lệ phí cấp phép nhà thầu nước ngoài</i>	1	1	1				
	<i>-Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy</i>	1	1	1				
	<i>-Lệ phí môi giới bất động sản</i>	1	1	1				
	<i>-Lệ phí cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa</i>	10	10	10				
	<i>-Lệ phí cấp đổi thuyền máy trường</i>	10	10	10				
	<i>-Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa</i>	561	561		561			
	<i>-Lệ phí cấp giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật &amp; Bảo vệ môi trường xe cơ giới</i>	2.911	2.911		0		966	1.945
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>1.837</b>	<b>1.837</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>818</b>	<b>1.019</b>
	<i>- Phí sử dụng đường bộ</i>	1.837	1.837				818	1.019
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>143.023</b>	<b>143.023</b>	<b>1.500</b>	<b>2.320</b>	<b>0</b>	<b>62.000</b>	<b>77.203</b>
	<b>+ Thu phí</b>	<b>141.186</b>	<b>141.186</b>	<b>1.500</b>	<b>2.320</b>	<b>0</b>	<b>61.182</b>	<b>76.184</b>
	<i>- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng , báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng</i>	500	500	500				
	<i>- Thẩm định dự toán xây dựng</i>	500	500	500				
	<i>- Thẩm định các đồ án quy hoạch Xây dựng</i>	500	500	500				
	<i>-Phí trọng tải tàu thuyền</i>	1.424	1.424		1.424			
	<i>-Phí thuộc lĩnh vực hàng hải</i>	896	896		896			
	<i>-Phí sử dụng đường bộ</i>	137.366	137.366				61.182	76.184
	<b>+ Thu lệ phí</b>	<b>3.731</b>	<b>3.731</b>	<b>259</b>	<b>561</b>	<b>0</b>	<b>966</b>	<b>1.945</b>

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7
	- Cấp phép xây dựng	1	1	1	0			0
	- Cấp chứng chỉ hành nghề	165		165				
	-Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	70		70				
	-Lệ phí cấp phép nhà thầu nước ngoài	1		1				
	-Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy	1		1				
	-Lệ phí môi giới bất động sản	1		1				
	-Lệ phí cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	10		10				
	-Lệ phí cấp đổi thuyền máy trường	10		10				
	-Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa	561			561			
	-Lệ phí cấp giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật & Bảo vệ môi trường xe cơ giới	2.911					966	1.945
<b>II</b>	<b>Chi từ số thu được để lại</b>	<b>1.837</b>	<b>1.837</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>818</b>	<b>1.019</b>
-	Phí sử dụng đường bộ	1.837	1.837		0	0	818	1.019
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI (I +II)</b>	<b>355.356</b>	<b>355.356</b>	<b>338.891</b>	<b>5.465</b>	<b>11.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>353.736</b>	<b>353.736</b>	<b>337.971</b>	<b>5.315</b>	<b>10.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)</b>	<b>43.652</b>	<b>43.652</b>	<b>38.812</b>	<b>4.840</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí giao tự chủ</b>	<b>41.312</b>	<b>41.312</b>	<b>36.472</b>	<b>4.840</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
+	Chi con người , Trong đó	30.477	30.477	27.217	3.260			
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng - 2,34 triệu đồng)	9.887	9.887	9.887				
+	Chi hoạt động thường xuyên	8.815	8.815	7.590	1.225	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7
-	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (mã nguồn 18)</b>	<b>2.020</b>	<b>2.020</b>	1.665	355			
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự</b>	<b>2.340</b>	<b>2.340</b>	<b>2.340</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Kinh phí cấp chứng chỉ hành nghề	45	45	45				
	Công tác lập chỉ số giá xây dựng	350	350	350				
	Công tác lập đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng	350	350	350				
	Phụ cấp cán bộ kiểm soát thủ tục hành chính	15	15	15				
	Phụ cấp cán bộ làm nhiệm vụ tiếp công dân	20	20	20				
	Công tác kiểm tra, giám sát công trình trọng điểm	210	210	210				
	Chi công tác phí đi làm việc với các bộ, ngành, trung ương và các dự án phục vụ APEC	1.350	1.350	1.350				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ (loại 280-khoản 294, 297)</b>	<b>10.925</b>	<b>10.925</b>	<b>0</b>	<b>475</b>	<b>10.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế (kinh phí hỗ trợ chênh lệch bù chi phí hoạt động tàu Thổ Châu 09 - Phú Quốc phục vụ hành khách tuyến Phú Quốc - Thổ Châu.)</i>	<b>10.450</b>	<b>10.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp,... của 10 thuyền viên; trang phục; mua nhiên liệu; văn phòng phẩm và hàng hóa cần thiết khác phục vụ tàu Thổ Châu.	1.674	1.674			1.674		
	Chi các phí, lệ phí Cảng vụ Hàng hải, đăng kiểm tàu; mua bảo hiểm tàu và thuyền viên; các thiết bị kèm theo tàu Thổ Châu; chi phí sửa chữa tàu, thuê mướn tàu và nghiệp vụ chuyên môn khác.	5.224	5.224			5.224		

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7
	Chi các phí, lệ phí Cảng vụ Hàng hải, đăng kiểm tàu; mua bảo hiểm tàu và thuyền viên; các thiết bị kèm theo tàu Thổ Châu; chi phí sửa chữa tàu, thuê mướn tàu và nghiệp vụ chuyên môn khác.	3.552	3.552			3.552		
<b>b</b>	<b>+ Kinh phí không tự chủ (Loại 280 - Khoản 294)</b>	<b>475</b>	<b>475</b>	<b>0</b>	<b>475</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>Chi phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.</i>	475	475		475			
<b>3</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương không giao tự chủ nguồn 12 (loại 280- khoản 292)</b>	<b>299.159</b>	<b>299.159</b>	<b>299.159</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<i>Thực hiện duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên cầu, đường tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh (thực hiện theo kế hoạch năm 2026 của cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>	299.159	299.159	299.159				
<b>II</b>	<b>Ngân sách giữ lại 10%</b>	<b>1.620</b>	<b>1.620</b>	920	150	550		

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở Xây dựng	Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh An Giang	Xí nghiệp Bến xe, tàu Kiên Giang	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	Trung tâm Đăng kiểm thủy, bộ AG
A	B	1	2	3	6			7